

Đống Đa, ngày 03 tháng 3 năm 2022

## CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

*Căn cứ Điều 50 Luật Thương mại.*

*Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của UBTV Quốc Hội quy định về thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;*

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 23 tháng 02 năm 2022 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 07/2022/TLST - KDTM ngày 04/01/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”.

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

### 1. Công nhân sự thoả thuận của các đương sự:

*Nguyên đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M; Địa chỉ: Phường A, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn S - Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Q.*

*Bị đơn: Công ty cổ phần N; Địa chỉ: phường L, quận Đ, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh H - Giám đốc.*

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M và Công ty cổ phần N ký Hợp đồng số 01/2019/HĐMB/NL-NT ngày 02/01/2019 về việc Công ty Mê Kông cung cấp bê tông phục vụ dự án Gói thầu CP1A - Tuyến Metro Bến Thành.

Sau khi ký hợp đồng, các bên đã thực hiện nội dung thỏa thuận trong hợp đồng, Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M đã cung cấp bê tông cho Công ty cổ phần N với tổng giá trị thành tiền là 7.499.731.000 đồng.

Hai bên xác nhận tính đến ngày 23/02/2022 Công ty cổ phần Nợ Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M số tiền nợ gốc là 978.750.537 đồng (chín trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng) và số nợ lãi là 194.954.354 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu, chín trăm năm mươi bốn ngàn, ba trăm năm mươi bốn đồng).

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên về việc thanh toán như sau:

Chậm nhất ngày 30/4/2022 Công ty cổ phần N thanh toán trả Công ty Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M số tiền nợ gốc 978.750.537 đồng (chín trăm bảy mươi tám triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, năm trăm ba mươi bảy đồng). Trường hợp Công ty cổ phần N thực hiện đúng cam kết trên, Công ty cổ phần N không phải trả số tiền lãi 194.954.354 đồng (Một trăm chín mươi tư triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, ba trăm năm mươi bốn đồng).

Trường hợp Công ty cổ phần N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ cam kết trên thì Công ty cổ phần N phải trả toàn bộ số tiền gốc còn nợ và số tiền nợ lãi 194.954.354 đồng cho Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành ngay đối với khoản nợ trên.

Kể từ ngày Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Công ty cổ phần N còn phải trả lãi phát sinh trên số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ Luật dân sự.

\* Án phí: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M và Công ty cổ phần N thống nhất Công ty cổ phần N chịu án phí là 23.605.573 đồng (hai mươi ba triệu, sáu trăm lẻ năm nghìn, năm trăm bảy mươi ba đồng). Hoàn trả Công ty cổ phần đầu tư xây dựng số 1 M số tiền tạm ứng án phí đã nộp 23.130.000 đồng (hai mươi ba triệu, một trăm ba mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0069534 ngày 23/12/2021.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Đức Quân**

**Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:**

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, tư cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).

